TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: /2017/HNGĐ - ST
Ngày: 09-8-2017
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Ngọc Đúng

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận T, thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố Htham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thịnh – Kiểm sát viên

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 399/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1986;
Địa chỉ: 9/4/1 ấp B, xã P, huyện C, TP. HCM.
Bị đơn: Ông Lâm Quang H, sinh năm 1973;
Địa chỉ: 18C/418 Chung cư H, P. P, Q. T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 30/12/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án,, nguyên đơn là bà Phạm Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1986, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, quận X, thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01/1986 ngày 14/11/1986.

Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà H trình bày là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Bên cạnh đó, ông D thường xuyên chửi mắng bà H với những lời lẽ không tôn trọng và xúc phạm gây ảnh hưởng trầm trọng đến tinh thần của bà. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên bà H yêu cầu ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà H khai nhận vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Tiến H, sinh năm 1987; Nguyễn Tiến L, sinh năm 1991 và Nguyễn Phạm Vân A, sinh ngày 07/3/2001. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Phạm Vân A và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Riêng Nguyễn Tiến H và Nguyễn Tiến L đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

Tòa án nhân dân quận T đã tiến hành hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn D vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu trên.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do

Đại diện VKSND quận T tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện VKS nhân dân quận T nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà H, về quan hệ hôn nhân bà H ly hôn ông D. Giao con chung Nguyễn Phạm Vân A, sinh ngày 07/3/2001 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng Nguyễn Tiến H, sinh năm 1987 và

Nguyễn Tiến L, sinh năm 1991 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01/1986 ngày 14/11/1986 do Ủy ban nhân dân phường 5, quận 8, thành phố Hcấp thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông D hiện đang cư ngụ tại quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quận T theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2/ Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Xét việc bà Phạm Thị H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn D:

Căn cứ lời khai của bà H xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông D là có thật. Cuộc sống vợ chồng có xảy ra những mâu thuẫn, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, không có sự tôn trọng lẫn nhau và thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tòa án nhân dân quận T đã tiến hành xác minh tại địa phương và được biết mâu thuẫn vợ chồng bà H ông D đã lâu, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nhiều lần địa phương phải can thiệp.

Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông D vắng mặt thể hiện ông D không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, bà H cho rằng hiện nay không còn tình cảm với ông D, không muốn tiếp tục chung sống với ông D nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà H ông D đã thực sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Bà H yêu cầu ly hôn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung:

Bà H yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Phạm Vân A, sinh ngày 07/3/2001 và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Riêng Nguyễn Tiến H, sinh năm 1987 và Nguyễn Tiến L, sinh năm 1991 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi là phải dựa vào quyền lợi của trẻ. Căn cứ bản tự khai ngày 20/4/2017 của cháu Vân A, Hội đồng xét

xử xét thấy cháu Vân A có nguyện vọng được ở với mẹ. Đồng thời, từ trước đến nay cháu chủ yếu do bà H nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, xét thấy việc bà H yêu cầu được nuôi cháu Vân A là hoàn toàn phù hợp với lợi ích của cháu và phù hợp với qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà H.

Riêng Nguyễn Tiến H và Nguyễn Tiến L đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con:

- Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông D.

Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Bà H yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/ Về án phí:

Bà Bùi Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào**:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị T được ly hôn với ông Lâm Quang H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01/2008 do UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đ cấp ngày 07/4/2008 hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao các con chung là cháu là Lâm Gia H, sinh ngày 12/11/2008; Lâm Gia T, sinh ngày 20/8/2010 và Lâm Gia T, sinh ngày 19/01/2013 cho bà Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Lâm Quang H do bà T không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản:

+ Về tài sản chung: ông H và Bà T yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Ông H và Bà T khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

2/ Về án phí:

Bà Bùi Thị T chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009091 ngày 05/05/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Bà T đã nộp đủ.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**